VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 531/TTr-BKHĐT ngày 19 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 30-NQ/TW), Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 30-NQ/TW nhằm xây dựng đồng bằng Sông Hồng là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đồng bộ, hiện đại, thông minh; hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới, thông minh xanh, bền vững phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố kết nối toàn cầu, phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

2. Chương trình hành động phải cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 30-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết số 30-NQ/TW; là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang

bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của từng bộ, cơ quan và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu cao nhất đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW.

3. Chương trình hành động phải thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng quyết tâm phấn đấu để sớm đạt được các mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đồng thời, xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng tập trung chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các chương trình, đề án và dự án quan trọng; mở rộng hợp tác quốc tế; đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng Sông Hồng với nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 9%/năm. Đến năm 2030, GRDP vùng tăng khoảng 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm và thủy sản chiếm khoảng 3,5%, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 47%, dịch vụ chiếm khoảng 41%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 8,5%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 274 triệu đồng/người/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 7%. Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2030 đạt 55%. Kinh tế số đạt khoảng 35% GRDP. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 55%. 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 76%, tiểu học đạt 95%, trung học cơ sở đạt 90%, trung học phổ thông đạt 68%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 48 - 52%, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 3%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm khoảng 1,5%/năm. Đạt 32 giường bệnh/vạn dân và 11 bác sỹ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 85%; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có

hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Giảm ít nhất 9% lượng phát thải khí nhà kính.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ và các Chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí chiến lược và tầm quan trọng đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng đồng bằng Sông Hồng đối với cả nước.

- Đổi mới tư duy phát triển và đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là liên kết vùng, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ thống đô thị thông minh, hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phân bổ nguồn lực và quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, giải quyết các vấn đề quốc gia tại vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

- Công tác tuyên truyền về Nghị quyết số 30-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ cần được tiến hành với quy mô sâu rộng, với nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như tiềm năng, lợi thế của vùng để tạo đột phá phát triển vùng.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Hoàn thành lập và phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng và quy hoạch tỉnh của các địa phương trong vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, phát triển nhanh, bền vững phù hợp với vị trí địa kinh tế - chính trị. Tổ chức không gian phát triển vùng bảo đảm

cân bằng, bền vững gắn với việc phát triển các hành lang kinh tế, gồm: Hành lang kinh tế Bắc - Nam; Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; phát triển các chuỗi đô thị hiện đại và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông đồng bộ, kết nối giữa các cực tăng trưởng trong vùng (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), nội vùng, liên vùng, các đầu mối trung tâm kinh tế trên toàn tuyến, hành lang kinh tế.

- Quy hoạch của các tỉnh, thành phố trong vùng bảo đảm phù hợp với quy hoạch vùng; xây dựng và triển khai hiệu quả các chuỗi giá trị ngành, sản phẩm. Quy hoạch các địa phương có biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia, giữa vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

- Hình thành các vùng động lực và các khu vực phát triển công nghiệp, thương mại, tài chính, ngân hàng, dịch vụ, nông nghiệp hiệu quả cao, hữu cơ, tuần hoàn; phát triển dịch vụ, logistics. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, tài chính, ngân hàng, du lịch và đô thị thông minh. Vùng Nam đồng bằng Sông Hồng, phát triển ngành nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn; công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; phát triển các khu kinh tế ven biển, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, tâm linh gắn với bảo vệ môi trường.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất phù hợp với không gian phát triển; lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển, dự án đầu tư phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Quản lý, khai thác có hiệu quả quỹ đất, nhất là quỹ đất được hình thành từ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

- Rà soát, sớm điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành để đáp ứng tốt hơn các điều kiện đặc thù cho vùng phát triển đột phá. Nghiên cứu, xây dựng thể chế điều phối vùng đủ mạnh để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả điều phối, liên kết vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng,

xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề về môi trường liên tỉnh, phát triển các cụm liên kết ngành về môi trường… Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng.

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư nhằm khuyến khích các địa phương tạo nguồn thu; xây dựng tỷ lệ điều tiết ngân sách phù hợp cho các tỉnh, thành phố tạo động lực phát triển mới cho Thủ đô, vùng Thủ đô và toàn vùng; cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương chủ động tham gia các hoạt động liên kết và đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng; ngân sách cấp này được thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp khác đối với các dự án vùng, liên vùng vì lợi ích chung của địa phương, vùng và cả nước.

- Nghiên cứu, xây dựng thí điểm các mô hình, cơ chế, chính sách mới, đặc thù cho vùng, trong đó có các cơ chế, chính sách tạo đột phá để tiếp tục phát triển Thủ đô Hà Nội, tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Khẩn trương sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô để có cơ chế, chính sách vượt trội cho Hà Nội phát huy vai trò là đầu tàu, động lực phát triển của vùng và cả nước.

3. Phát triển kinh tế vùng

Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, xã hội số thích ứng biến đổi khí hậu; lấy công nghiệp, dịch vụ hiện đại tiếp tục và nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên ứng dụng công nghệ cao tiếp tục là trụ cột của nền kinh tế. Phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp.

a) Phát triển công nghiệp:

- Phát triển công nghiệp vùng theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ứng dụng nền tảng số, thân thiện với môi trường, ít phát thải khí nhà kính, có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh, tham gia sâu, toàn diện vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, trọng tâm phát triển là công nghiệp hiện đại có lợi thế như công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số (gồm: công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp điện tử và các ngành công nghiệp mới sản xuất chíp, bán dẫn), ô tô, công nghiệp hỗ trợ; thúc đẩy phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh.

- Huy động có hiệu quả các nguồn vốn để đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu kinh tế theo hướng hiện đại, đồng bộ, nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp hiện có, gắn với các hành lang, vành đai kinh tế. Có cơ chế, chính sách đủ mạnh để hình thành và phát triển các ngành công nghiệp mới như sản xuất chíp, bán dẫn, sản xuất rô-bốt, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới.

- Thúc đẩy phát triển các hành lang công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Nội Bài - Hạ Long, Hà Nội - Việt Trì qua thành phố Vĩnh Yên, Hà Nội - Lạng Sơn và vành đai kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình. Phát triển tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, là trung tâm công nghiệp động lực của vùng. Hình thành khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với phát triển khu công nghiệp, khu đô thị - dịch vụ nhằm cung ứng dịch vụ, tiện ích công cộng cho khu công nghiệp; tăng cường liên kết hình thành các cụm liên kết ngành và khu công nghiệp chuyên biệt.

b) Phát triển nông nghiệp:

- Phát triển nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp dựa trên ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, sản xuất sản phẩm có giá trị cao theo chuỗi giá trị, tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh. Tập trung phát triển các vùng chuyên canh hàng hóa lớn, chất lượng cao như: lúa, rau, hoa, quả đặc sản, cây cảnh; chú trọng xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản đặc hữu cho vùng, địa phương; tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào trong chăn nuôi công nghiệp, theo mô hình trang trại, trong đó tập trung vào các sản phẩm chủ lực như lợn, bò, gia cầm; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, khai thác hải sản gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu. Tập trung đầu tư hoàn thành Trung tâm hậu cần nghề cá lớn tại thành phố Hải Phòng. Phát triển kinh tế lâm nghiệp kết hợp với bảo vệ chặt chẽ, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển và khu bảo tồn thiên nhiên.

- Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng nền tảng số và dữ liệu số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển mạnh các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp như công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản. Hình thành các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã để phát triển theo chuỗi giá trị như: Cụm liên kết trồng lúa, rau, hoa, quả đặc sản,

nuôi trồng thủy hải sản, gắn với cơ sở chế biến, bảo quản, phân phối tại các tỉnh trong vùng; cụm liên kết sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ gắn với các làng nghề truyền thống của các địa phương; liên kết ngoại vùng trong sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa, bảo vệ, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo tồn không gian kiến trúc văn hóa làng, xã truyền thống nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ; bảo vệ môi trường, không gian cảnh quan, gắn phát triển làng nghề truyền thống với phát triển du lịch.

c) Phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch:

- Phát triển các ngành dịch vụ và thương mại của vùng theo hướng hiện đại, đa dạng với trọng tâm là phát triển thương mại, logistics, du lịch, tài chính - ngân hàng. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng tiềm năng, có thế mạnh của vùng đồng bằng Sông Hồng như các sản phẩm chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, các sản phẩm nông nghiệp hiệu quả cao, hữu cơ, tuần hoàn. Tăng cường kết nối giữa các địa phương trong vùng và liên kết vùng theo hướng trao đổi hàng hóa, gắn với liên kết các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm, quảng bá, giao lưu quốc tế. Chú trọng phát triển thương mại biên giới ổn định gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Đầu tư phát triển hệ thống logistics, chợ đầu mối, trung tâm trung chuyển và kho vận, hệ thống kho bãi hiện đại, thông minh, bền vững theo chuẩn quốc tế gắn với các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường ven biển, cửa khẩu và hệ thống cảng biển; hình thành các sàn giao dịch hàng hóa, các cụm, khu vực hội chợ triển lãm, đẩy mạnh thương mại điện tử. Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ hiện đại khu vực Đông Nam Á; trong đó thành phố Hà Nội trở thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ du lịch mang tầm khu vực và quốc tế; Hải Phòng là trung tâm

dịch vụ logistics quốc tế hiện đại, là cửa ngõ ra biển, kết nối các tuyến hành lang, vành đai kinh tế.

- Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, theo chuẩn mực quốc tế và đa dạng loại hình dịch vụ; cơ cấu lại hoạt động của thị trường chứng khoán, tài chính, tiền tệ; chuyển đổi số toàn diện hệ thống ngân hàng, phát triển mô hình ngân hàng số, gia tăng tiện ích, thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến trong quản trị điều hành và cung ứng sản phẩm, dịch vụ.

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, bền vững, hội nhập quốc tế và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng với các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, có thương hiệu, sức cạnh tranh cao gắn với phát huy giá trị của nền văn minh Sông Hồng; trọng tâm là du lịch văn hóa, kết nối các Di sản tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường quảng bá các sản phẩm du lịch, xúc tiến đầu tư để thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch; tập trung ưu tiên đầu tư các khu du lịch quốc gia trong vùng, như: Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Khu du lịch Ba Vì - Suối Hai, Khu du lịch Tam Đảo, Khu du lịch Tam Chúc; Khu du lịch Tràng An; Khu du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc, Khu du lịch Hạ Long - Cát Bà; Khu du lịch Vân Đồn; Khu du lịch Trà Cổ. Tăng cường liên kết giữa ngành du lịch với các ngành khác theo chuỗi giá trị sản phẩm, liên kết nội vùng, liên vùng để phát triển các sản phẩm du lịch của vùng hợp tác trao đổi thông tin quản lý nhà nước về du lịch giữa các vùng, xây dựng cơ chế chính sách, quy hoạch, kế hoạch dài hạn để phát triển sản phẩm du lịch. Phát triển tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới.

d) Phát triển kinh tế biển:

Phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển. Chú trọng phát triển kinh tế biển khu vực Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; tập trung mọi nguồn lực để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển và phát huy vai trò động lực các khu kinh tế ven biển gắn với đô thị ven biển, trung tâm du lịch, dịch vụ logistics; hoàn thành tuyến đường bộ ven biển kết nối liên vùng, các tuyến giao thông kết nối với cảng biển, cảng hàng không, các tỉnh Bắc Trung Bộ và cả nước. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ vào nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản; đào tạo nhân lực biển. Đầu tư, xây dựng Trường Đại học Hàng Hải là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nhân lực

đạt trình độ ngang bằng các nước phát triển trong khu vực để phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng và phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại mang tầm quốc tế, hàng đầu Đông Nam Á, là cửa ngõ, động lực phát triển của vùng. Xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại Quảng Ninh.

4. Phát triển hệ thống đô thị (theo mô hình TOD) bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại

- Tập trung phát triển hệ thống đô thị trong vùng hiện đại, thông minh, bền vững, theo mạng lưới và thích ứng với biến đổi khí hậu; phân bổ hợp lý, bảo đảm đồng bộ, thống nhất để đồng bằng Sông Hồng trở thành vùng đô thị lớn, có tỷ lệ đô thị hóa cao và chất lượng sống tốt. Lấy định hướng phát triển giao thông công cộng làm cơ sở quy hoạch đô thị (theo mô hình TOD). Chú trọng phát triển các đô thị hai bên bờ Sông Hồng và các sông lớn trong vùng, đáp ứng yêu cầu thoát lũ, phòng, chống thiên tai, khai thác, sử dụng hiệu quả không gian, quỹ đất.

Tiếp tục thực hiện Quy hoạch chung xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; phát huy vai trò hạt nhân động lực các đô thị trong vùng. Xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị phía Bắc, cả nước và hội nhập vào mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, Châu Á; thành phố Hải Phòng phấn đấu trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh, thông minh, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng với các chỉ tiêu y tế, giáo dục, đào tạo đạt mức bình quân của đô thị thuộc 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Phát triển các trung tâm hành chính tỉnh, thành phố để tăng cường liên kết, hình thành các chuỗi đô thị, đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; chuỗi đô thị tại các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Ninh Bình và Nam Định gắn với phát triển kinh tế biển; chuỗi đô thị tại tỉnh Hưng Yên và Hà Nam gắn với hạ tầng y tế - giáo dục cấp vùng và giảm tải cho các đô thị lớn; chuỗi đô thị thuộc các hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, logistics.

- Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm tải cho các đô thị lớn, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh; tiếp tục thực hiện di dời trường đại học, bệnh viện ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội. Tập trung cải tạo, chỉnh trang các chung cư hết niên hạn sử dụng, chung cư xuống cấp, mất an toàn, đặc biệt là các đô thị lớn. Có chính sách đủ mạnh, đẩy nhanh tiến độ phát triển nhà xã hội cho người có thu nhập thấp, nhà ở trong khu công nghiệp cho người lao động và xây dựng các thiết chế văn hóa, nhất là cho công nhân, người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

- Sớm hoàn thiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông nghiệp, nông thôn; cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê sông, đê biển, nhất là các tuyến đê cấp III, cấp đặc biệt thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; ưu tiên đầu tư các công trình phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là phương thức đối tác công tư (PPP), trong đó vốn nhà nước đóng vai trò dẫn dắt nguồn lực khu vực tư nhân để đầu tư các công trình trọng điểm, động lực, có tính lan tỏa, kết nối vùng, kết nối các phương thức vận tải khác nhau. Tập trung hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; phát triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế về cảng biển, hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các hành lang kết nối của vùng. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dứt điểm các dự án giao thông đô thị, các tuyến vành đai hướng tâm, hệ thống giao thông tĩnh, nhất là sớm hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc,… cụ thể:

(i) Về đường bộ: Đến năm 2027, hoàn thành tuyến đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội, mở rộng quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai, tuyến đường bộ ven biển đoạn qua các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Phấn đấu đến năm 2030, đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch tuyến đường vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội, đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây, đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đường cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long và các đường song hành với các tuyến đường vành đai 4, vành đai 5 tại Hà Nam và các địa phương trong vùng phù hợp với quy hoạch và khả năng cân đối nguồn vốn; Mở rộng các tuyến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ - Ninh Bình, Hà Nội - Bắc Giang, Hòa Lạc - Hòa Bình,…; Nâng

cấp hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ đạt cấp III, mở rộng tối thiểu 4 - 6 làn xe đối với đoạn qua đô thị, đường tỉnh cơ bản đạt cấp III, IV; Cải tạo, nâng cấp và mở rộng một số đoạn ưu tiên trên một số quốc lộ như: Quốc lộ 6 đoạn Yên Nghĩa - Xuân Mai, Quốc lộ 21C đoạn Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính, Quốc lộ 38C, Quốc lộ 4B đoạn qua tỉnh Quảng Ninh, đường bộ ven biển qua Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, đường vành đai 5 đoạn qua tỉnh Vĩnh Phúc,…

(ii) Về đường sắt: Tập trung cải tạo, nâng cấp, khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, kết nối thông suốt tuyến đường sắt liên vận đạt tiêu chuẩn quốc tế; hoàn thành tuyến Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (xây dựng đoạn Hà Nội - Vinh), tuyến Hà Nội - Hải Phòng (thuộc tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng), tuyến vành đai phía Đông - Hà Nội (đoạn Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng - Thạch Lỗi). Xây dựng lộ trình nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc,... và tuyến Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long).

(iii) Về đường thủy nội địa: Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa Hải Phòng, Quảng Ninh về Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và tuyến ven biển Vạn Gia - Ka Long; nâng cấp tĩnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên Sông Hồng.

(iv) Về cảng biển: Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các bến mới tại khu bến cảng Lạch Huyện (bến số: 3, 4, 5, 6, 7, 8) thuộc cảng biển Hải Phòng để khai thác hiệu quả cảng quốc tế Lạch Huyện. Nghiên cứu đầu tư các bến cảng mới tại cảng biển Quảng Ninh theo quy hoạch.

(v) Về cảng hàng không: Hoàn thành việc nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn theo quy mô quy hoạch. Nghiên cứu, xác định vị trí và các chỉ tiêu quy hoạch Cảng hàng không quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển vùng Thủ đô và khu vực phía Bắc.

- Tiếp tục tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội khác. Đa dạng hóa nguồn lực và hình thức đầu tư để phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là hệ thống thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; hệ thống công trình thoát nước, chống ngập tại các thành phố lớn như Hà Nội,

Hải Phòng và các địa phương trong vùng. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các công trình văn hóa, thể thao, du lịch để phát huy thế mạnh của vùng, của từng địa phương. Chú trọng đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn, nhất là tại Hà Nội và các đô thị lớn; rà soát, hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu đô thị, khu dân cư tập trung; ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số vào quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn, chống biến đổi khí hậu. Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn, trong đó ưu tiên tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, internet vạn vật (IoT)… đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các địa phương trong vùng, nhất là Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh; triển khai thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Phát triển vùng trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hàng đầu của cả nước; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng. Chú trọng nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi, công nghệ số; tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ có trình độ tiên tiến ở một số lĩnh vực có thế mạnh đạt trình độ quốc tế, thực sự trở thành động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh. Xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ cho vùng; có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài làm việc trong vùng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao năng lực quản lý các cấp tại địa phương.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, phát triển, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, trong đó chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác trực tiếp lợi thế của các địa phương trong vùng; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng dữ liệu phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, hướng đến công nghệ 6G. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số; tạo lập dữ liệu mở, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh. Phát triển nhanh doanh nghiệp công nghệ số; tăng nhanh tỷ trọng kinh tế số trong GRDP. Phấn đấu số doanh nghiệp khoa học - công nghệ tăng gấp 2 lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo chiếm 50% tổng số doanh nghiệp hoạt động; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 50%.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ. Tiếp tục hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của địa phương. Củng cố, xây dựng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức trong vùng, hình thành mạng lưới các tổ chức có khả năng tiếp nhận, hỗ trợ, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại, gắn kết chặt chẽ với giáo dục - đào tạo, sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp trích lập, sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong vùng.

- Xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng gắn với phát triển mạnh các công nghệ mới và kết nối hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ vùng, cả nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam…, trong đó Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hòa Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học; Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, điện tử - bán dẫn, tự động hóa, công nghệ sinh học và y dược, công nghệ vật liệu mới; hình thành các khu nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch tại các tỉnh, thành phố trong vùng, như: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Nam Định.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng, thúc đẩy kết nối chuỗi giá trị trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, trong đó các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp công nghệ số giữ vai trò trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò kiến tạo môi trường thể chế.

Hình thành và phát triển hệ sinh thái khoa học công nghệ cho nghiên cứu, phát triển và sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế thiết yếu. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội gắn với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Thành phố Hà Nội và quốc gia.

- Bảo đảm chi cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm. Xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, phát triển các sản phẩm chủ lực. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, huy động vốn đầu tư, các nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển và ứng dụng công nghệ số, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn. Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện hành lang pháp lý để khuyến khích sử dụng kết quả khoa học - công nghệ, tài sản sở hữu trí tuệ góp vốn thành lập doanh nghiệp.

6. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng là trung tâm hàng đầu cả nước về giáo dục, đào tạo, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao theo hướng đổi mới toàn diện cả về năng lực, kỹ năng, phẩm chất, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; phát huy tốt nhất tiềm năng nguồn nhân lực của vùng đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung đổi mới giáo dục mầm non theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em.

- Tập trung đầu tư và thu hút mọi nguồn lực xã hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là đào tạo nghề. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho một số ngành, nghề mũi nhọn đạt trình độ khu vực, thế giới để đáp ứng nhu cầu của thị trường như công nghiệp phụ trợ, sản xuất ô tô, điện tử, chế biến, chế tạo, logistics, du lịch, kinh tế biển, y tế, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản,… Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cả trí tuệ, thể chất; phân luồng, định hướng tiếp cận nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên, góp phần hình thành đội ngũ nhân lực theo quy mô, cơ cấu nghề nghiệp, trình độ đào tạo.

- Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo hướng chuẩn hóa, tăng quy mô tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo. Tăng cường hợp tác, liên kết với doanh nghiệp. Tập trung ưu tiên đầu tư 02 - 03 trường

trọng điểm để thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; 02-03 trường để thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao; đẩy mạnh xã hội hóa và tự chủ đại học; củng cố, phát huy liên kết vùng trong giáo dục đại học, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển. Tăng cường đầu tư, phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa Hà Nội và một số trường đại học lớn, đa ngành trong vùng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm để trở thành những trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng và cả nước.

- Phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt và hội nhập, tăng cường kết nối cung - cầu lao động nội vùng và liên vùng, có sự kiểm soát, quản lý, điều tiết của Nhà nước để chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu quản lý lao động đồng bộ, hiện đại, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan như bảo hiểm xã hội, dân cư, thuế. Chú trọng xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

7. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

- Phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, tạo sức mạnh nội sinh to lớn của vùng; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức sáng tạo, tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển phồn vinh của Nhân dân trong vùng.

- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa của vùng, gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc sinh sống ở vùng đồng bằng Sông Hồng và mang đặc trưng nền văn minh Sông Hồng. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch; gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, không gian kiến trúc văn hóa làng, xã nông thôn truyền thống; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi với sự phát triển bền vững của vùng và cả nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Ưu tiên đầu tư cho phát triển văn hóa, phân bổ mức đầu tư hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa. Số hóa dữ liệu văn hóa nghệ thuật và di sản văn hóa; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin cơ sở; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở. Hoàn thành xây dựng, nâng cấp, hiện đại hóa một số bảo tàng lớn (Bảo tàng quân sự Việt Nam, Bảo tàng thiên nhiên, Bảo tàng lịch sử quốc gia, Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hà Nội,…), các trung tâm điện ảnh, nhà hát tại Hà Nội và các đô thị lớn trong vùng, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các nhà hát nghệ thuật truyền thống của các tỉnh, thành phố trong vùng.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2030. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh như: Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Cố đô Hoa Lư, các Khu di tích quốc gia, đền, chùa, dân ca quan họ, ca trù, hát chèo, trầu văn, các lễ hội văn hóa, tín ngưỡng thờ Mẫu, tôn giáo truyền thống,… Rà soát, phục dựng trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị, các di tích lịch sử, di sản văn hóa, các khu văn hóa tín ngưỡng lớn của các địa phương trong vùng: Phố Hiến (Hưng Yên); Tràng An, Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình); Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương); Yên Tử (Quảng Ninh); Tam Chúc - Ba Sao (Hà Nam); chuỗi di tích lịch sử, văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc (Bắc Ninh);... Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, di sản văn hóa, tín ngưỡng đặc trưng của vùng. Xây dựng, phát triển Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước, xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội.

- Hình thành một số khu liên hợp thể thao, trung tâm huấn luyện thể thao đạt tiêu chuẩn quốc tế. Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế thể thao, tạo nguồn thu cho ngân sách và tái đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục, thể thao.

- Kết hợp phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nhất là giảm nghèo đô thị, tạo việc làm. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách về ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội; các chính sách dân tộc, tôn giáo; làm tốt công tác chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Xây dựng hệ thống y tế của vùng hiệu quả và hội nhập, có dịch vụ chuyên sâu chất lượng cao dẫn đầu cả nước, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân. Phát huy thế mạnh về nguồn nhân lực y tế của vùng, tăng cường đầu tư các cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng về y tế để đào tạo đội ngũ cán bộ y tế đủ về số lượng, chất lượng cung cấp nhân lực cho ngành y tế; rà soát, ban hành các cơ chế nhằm thu hút, đào tạo, đãi ngộ hợp lý đội ngũ thầy thuốc, chuyên gia giỏi.

- Hoàn thành quy hoạch mạng lưới y tế cơ sở thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có tích hợp các cơ sở y tế mang tính liên vùng, liên tỉnh của vùng đồng bằng Sông Hồng. Ưu tiên đầu tư nâng cấp một số bệnh viện đa khoa, chuyên khoa trung ương hạng đặc biệt tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới. Đầu tư, nâng cấp bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh hạng I, các bệnh viện vệ tinh để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối nhằm giảm tải cho các tỉnh, thành phố lớn, người dân có thể tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng, toàn diện. Hoàn thành đầu tư xây dựng các cơ sở 2 của Bệnh viện Việt Đức và Bạch Mai tại Hà Nam. Gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng. Nghiên cứu thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế.

8. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Phát triển kinh tế đi đôi với tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất đai, nước. Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, ít phát thải khí nhà kính, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học của các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên cấp quốc gia như Bái Tử Long, Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Cát Bà, Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Khu bảo tồn loài sinh cảnh Voọc mông trắng Kim Bảng, Hà Nam,… Áp dụng các giải pháp tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học nhằm dựa vào thiên nhiên để phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; giải quyết các sự cố,

phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chủ động thích ứng với tình trạng nước biển dâng. Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học khu vực tiếp giáp các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, vùng cửa sông Hồng, sông Thái Bình, các vùng ngập nước ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên để bảo đảm an ninh lương thực, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững theo quy định của pháp luật. Nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở dữ liệu địa chính toàn vùng. Đánh giá đúng hiện trạng đất chưa sử dụng trong vùng. Khẩn trương rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án chậm đưa vào sử dụng; kiên quyết xử lý, thu hồi đúng pháp luật, không để tái diễn tình trạng dự án "treo", sử dụng không đúng quy hoạch, sai mục đích, phòng, chống lợi ích nhóm, tiêu cực; lành mạnh hóa thị trường bất động sản.

- Bảo đảm an ninh, an toàn nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh nguồn nước lưu vực sông Hồng, sông Đà, sông Lô và cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường nước tại lưu vực các công Nhuệ, Đáy, Bắc Hưng Hải,…. Hoàn thành việc lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng giai đoạn 2021 - 2030. Huy động nguồn lực quốc tế hỗ trợ vùng đồng bằng Sông Hồng chuyển đổi năng lượng và thích ứng biến đổi khí hậu, trong đó có bảo đảm khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, với chi phí phù hợp và đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng.

- Tập trung giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các đô thị khác, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm nước các sông trong nội đô, đặc biệt là sông Tô lịch và các làng nghề khu vực nông thôn. Kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thành, đông dân cư.

- Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, chất thải, nước thải đạt quy chuẩn gắn với các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Từng bước hiện đại hóa cơ sở dữ liệu địa chính của toàn vùng. Xây dựng, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi

trường quốc gia để định hướng vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tập trung cấp vùng; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải và phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt.

9. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với củng cố quốc phòng, an ninh. Tập trung thực hiện có hiệu quả các quy hoạch trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đầu tư xây dựng các khu kinh tế quốc phòng theo quy hoạch, phù hợp với các chiến lược, đề án về quân sự, quốc phòng. Quản lý bảo vệ chặt chẽ các công trình quốc phòng và khu quân sự, điểm cao, khu vực địa hình có giá trị về quốc phòng; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ. Xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc trên nền tảng thế trận toàn dân.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh nhằm vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự; ứng phó có hiệu quả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

- Xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô và các tỉnh, thành phố đồng bằng Sông Hồng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, triển khai ứng dụng và tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm.

- Phát huy tối đa vị thế, lợi thế về vị trí địa chính trị là cửa ngõ kết nối của ASEAN trong công tác đối ngoại để đa dạng hóa đối tác thương mại, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, hiệu quả thực thi cam kết trong các Hiệp định tự do thương mại thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên. Gắn kết các hoạt động đối ngoại với việc thực hiện các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Xây dựng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; phát huy hiệu quả liên kết phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững trong khuôn khổ hợp tác hành lang, vành đai.

- Chủ động, tích cực tham gia các sáng kiến liên kết, kết nối với nước láng giềng, các nước trong khu vực và quốc tế. Tăng cường giao lưu nhân dân, thúc đẩy, triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác đã ký kết với địa phương của các nước. Tăng cường vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững các địa phương trong vùng.

10. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị của các địa phương vùng đồng bằng Sông Hồng thực sự trong sạch, vững mạnh. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu; triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Thực hiện có hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong một số lĩnh vực, đề cao trách nhiệm người đứng đầu gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện mô hình chính quyền các cấp, phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, môi trường và tổ chức bộ máy gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, trong sạch, tận tụy, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện

xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng Sông Hồng:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 28 tháng 02 năm 2023, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ, giải pháp và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo Trung ương, các bộ, ngành và địa phương chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí, hệ thống thông tin cơ sở phổ biến rộng rãi Nghị quyết này./.

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân (giai đoạn 2021 - 2030)	%	9	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu GRDP của Vùng			Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Trong đó:			
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*	*%*	*3.5*	
-	*Công nghiệp - xây dựng*	*%*	*47.0*	
-	*Dịch vụ*	*%*	*41.0*	
-	*Thuế sản phẩm trừ trợ cấp*	*%*	*8.5*	
3	GRDP bình quân đầu người	triệu đồng	274	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	35	Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	> 55	Bộ Xây dựng
6	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Trong đó:			
-	*Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao*	%	*50*	
-	*Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu*	%	*20*	
7	Tốc độ tăng năng suất lao động (giai đoạn 2021 - 2030)	%	7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (giai đoạn 2021 - 2030)	%	55	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	48-52	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
10	Tỷ lệ thất nghiệp	%	< 3	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
11	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân hằng năm (giai đoạn 2021 - 2030)	%	1.5	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia của Vùng			Bộ Giáo dục và Đào tạo
-	*Mầm non*	*%*	*76.0*	
-	*Tiểu học*	*%*	*95.0*	
-	*Trung học cơ sở*	*%*	*90.0*	
-	*Trung học phổ thông*	*%*	*68.0*	
13	Số giường bệnh trên 10.000 dân	giường bệnh	32	Bộ Y tế
14	Số bác sỹ trên 10.000 dân	bác sỹ	11	Bộ Y tế
15	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	> 95	Bộ Y tế
16	Tỷ lệ dân số đô thị đang sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%	100	Bộ Xây dựng
17	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.	%	85	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Bộ Tài nguyên và Môi trường
19	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95	Bộ Tài nguyên và Môi trường
20	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định	%	98	Bộ Tài nguyên và Môi trường
21	Giảm ít nhất lượng phát thải khí nhà kính	%	9	Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục II

NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30-NQ/TW NGÀY 23 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
I	**HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ LIÊN KẾT VÙNG**					
1	Quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
2	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	UBND các địa phương trong vùng	Các bộ, cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
3	Báo cáo rà soát cơ chế, chính sách hiện hành để điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2024	Thủ tướng Chính phủ	
4	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
5	Xây dựng cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách để khuyến khích nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu; cho phép địa phương được sử dụng ngân sách địa phương để đầu tư các dự án vùng, liên vùng; phân cấp, phân quyền mạnh hơn trong lĩnh vực tài chính gắn với quá trình đánh giá tổng kết, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	
6	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Quảng Ninh)	UBND tỉnh Quảng Ninh	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
7	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm phát triển Khu kinh tế Vân Đồn	UBND tỉnh Quảng Ninh	Các bộ, cơ quan liên quan và UBND tỉnh Quảng Ninh	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
8	Tổng kết, xây dựng dự án Luật Thủ đô (sửa đổi)	Bộ Tư pháp	UBND thành phố Hà Nội, các bộ, cơ quan có liên quan	2023 - 2025	Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
II	**PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG**					
1	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp mới (như: sản xuất chíp, bán dẫn, sản xuất rô-bốt, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới,…) cho vùng đồng bằng sông Hồng	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
2	Đề án phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp sản xuất - chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản, thủy hải sản và thực phẩm vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
3	Đề án phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch mang tầm khu vực và quốc tế	UBND thành phố Hà Nội	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2024	Thủ tướng Chính phủ	
4	Đề án xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành Trung tâm logistics quốc tế hiện đại, gắn với cảng biển Quốc tế kết nối với các tuyến hành lang, vành đai kinh tế	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Công Thương, các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
5	Đầu tư, xây dựng Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
6	Đề án phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của vùng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, cơ quan và UBND thành phố Hải Phòng, UBND tỉnh Quảng Ninh	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
7	Đề án điều chỉnh ranh giới vùng đệm di sản Vịnh Hạ Long	UBND tỉnh Quảng Ninh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan và UBND thành phố Hải Phòng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
III	**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ BỀN VỮNG VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI HIỆN ĐẠI**					
1	Hoàn thiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
2	Đề án Phát triển thành phố Hải Phòng trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh thông minh, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
IV	**PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ**					
1	Xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Hồng, tại thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
2	Đề án xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố liên quan	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
3	Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
4	Đề án đầu tư phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, điện tử - bán dẫn tự động hóa, công nghệ sinh học, y dược, công nghệ vật liệu mới.	UBND tỉnh Hà Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
5	Chương trình nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xử lý môi trường, phát triển kinh tế biển, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và đảm bảo quốc phòng an ninh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
6	Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2026	Thủ tướng Chính phủ	
7	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách trong xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
V	**PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC**					
1	Đề án phát triển Đại học Bách Khoa Hà Nội thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Châu Á	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
2	Đề án Phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Châu Á	Đại học Quốc gia Hà Nội	Bộ Giao dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan và các địa phương trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
VI	**PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG CỦA NHÂN DÂN**					
1	Đề án xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đặc trưng của nền văn minh sông Hồng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
2	Đế án phát triển du lịch cho vùng, trọng tâm là du lịch văn hóa, kết nối các di sản tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
3	Xây dựng cơ chế, chính sách riêng cho các tỉnh, thành phố có Di sản Thế giới và tiếp tục đầu tư 09 Khu du lịch quốc gia trong vùng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
4	Hoàn thành quy hoạch mạng lưới y tế cơ sở Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó có tích hợp các cơ sở y tế mang tính liên vùng, liên tỉnh của vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
5	Nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
6	Xây dựng cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - lịch sử vùng đất cố đô Hoa Lư	UBND tỉnh Ninh Bình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
VII	**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**					
1	Đề án tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
2	Xây dựng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực đa dạng sinh hoạt cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
VIII	**BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI**					
1	Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2022 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
2	Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả các khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn vùng đồng bằng sông Hồng theo quy hoạch	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30-NQ/TW NGÀY 23 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN
I	**Đường bộ**			
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 Vùng Thủ đô Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội và UBND tỉnh Hưng Yên, tỉnh Bắc Ninh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2027
2	Đầu tư tuyến đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô Hà Nội	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
3	Đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền/địa phương	Đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP), ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
4	Đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
5	Đầu tư hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long	Bộ Giao thông vận tải/ địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN
6	Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây (đoạn qua địa bàn vùng)	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
7	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B Quảng Ninh - Lạng Sơn, đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bộ Giao thông vận tải/UBND tỉnh Quảng Ninh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
II	**Cảng hàng không**			
1	Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn	Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp/địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
III	**Đường sắt**			
1	Dự án đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (xây dựng đoạn Hà Nội - Vinh)	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2032
2	Dự án đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đoạn Hà Nội - Hải Phòng	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
3	Dự án đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đoạn Hà Nội - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)
4	Dự án đầu tư tuyến đường sắt vành đai phía Đông Hà Nội (đoạn Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng - Thạch Lỗi)	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN
5	Hoàn thành đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
6	Hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2035
7	Tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc,...	Bộ Giao thông vận tải/ địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)
8	Tuyến đường sắt Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long dài khoảng 37 km).	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)
IV	**Đường thủy nội địa**			
1	Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa từ Hải Phòng, Quảng Ninh đi Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và tuyến ven biển Vạn Gia - Ka Long; nâng cấp tĩnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên sông Hồng	Bộ Giao thông vận tải/ địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
IV	**Cảng biển**			
1	Đầu tư bến cảng mới tại cảng biển Hải Phòng (các bến số: 3, 4, 5, 6, 7, 8 khu bến cảng Lạch Huyện)	UBND tỉnh, thành phố Hải Phòng	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN
2	Đầu tư các bến cảng mới tại cảng biển Quảng Ninh theo quy hoạch.	UBND tỉnh Quảng Ninh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
V	**Công trình, dự án khác**			
1	Hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm nghề cá lớn tại thành phố Hải Phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ UBND thành phố Hải Phòng	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030